

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/12/2024.
“*V/v Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Ngọc Côn

Ông Giáp Văn Phẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2024/QĐXX -HNGD ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hà Tiên S, sinh năm 1987; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23/7/2024, những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Hà Tiên S kết hôn với nhau ngày 19/9/2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị đã được tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau kết hôn chị về nhà anh S làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2018 thì bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không cùng nhau phát triển kinh tế. Chị và anh S đã ly thân từ tháng 7/2024 đến nay không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Tiên S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Hà Anh T1, sinh ngày 03/12/2008 và Hà Diễm Q, sinh ngày 24/8/2014. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng để anh S nuôi cả 02 con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh S tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Tiên S trình bày: Anh xác định thời điểm kết hôn và vợ chồng có mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên anh xác định chỉ là mâu thuẫn lời ăn tiếng nói, đời sống sinh hoạt của vợ chồng và coi đó là chuyện vợ chồng nào cũng có. Vợ chồng anh mâu thuẫn có được họ hàng hai bên hòa giải nhưng không thành. Chị Vợ chồng anh ly thân từ tháng 6/2024 đến nay, chị T đã tự bỏ nhà đi, khi chị T bỏ đi anh có gọi điện liên hệ với chị T nhưng chị T không nghe máy nên anh hiện tại không biết chị T ở đâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nên chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chung cháu Hà Anh T1 và Hà Diễm Q đều trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng bố Hà Tiên S.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị T và bị đơn anh Hà Tiên S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị Trần Thị T và anh Hà Tiên S trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 28;

Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Hà Tiên S.

- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Hà Tiên S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Anh T1, sinh ngày 03/12/2008 và Hà Diễm Q, sinh ngày 24/8/2014 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác của Tòa án. Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn và con chung với anh Hà Tiên S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Hà Tiên S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Trần Thị T và anh Hà Tiên S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 19/9/2008, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Hà Tiên S là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không cùng nhau phát triển kinh tế; anh S cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn lời ăn tiếng nói, đời sống sinh hoạt của vợ chồng và coi đó là chuyện vợ chồng nào cũng có. Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù chị T và anh S mỗi người đưa ra một nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau nhưng cả hai đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cãi nhau và thực tế chị T và anh S đã ly thân từ tháng 6/2024 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, không sống chung cùng nhau là không đảm bảo theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị Trần

Thị T được ly hôn anh Hà Tiên S.

[4]. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Hà Tiên S đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Hà Anh T1, sinh ngày 03/12/2008 và Hà Diễm Q, sinh ngày 24/8/2014. Cả chị T và anh S đều thống nhất để anh S trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; cháu T1 và cháu Q cũng có nguyện vọng được ở cùng anh S sau khi bố mẹ ly hôn. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, giao cho anh Hà Tiên S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Anh T1, sinh ngày 03/12/2008 và Hà Diễm Q, sinh ngày 24/8/2014 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác của Tòa án. Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Trần Thị T và anh Hà Tiên S cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiêu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự chị Trần Thị T và anh Hà Tiên S có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. *Quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Hà Tiên S.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao cho anh Hà Tiên S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Anh T1, sinh ngày 03/12/2008 và Hà Diễm Q, sinh ngày 24/8/2014. Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

3. *Về tài sản và công nợ chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006341 ngày 02/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Lập (số 29, quyền số 01/2008);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Công Định